

Vietnam Daily Review

Thị trường tăng điểm mạnh trong phiên hôm nay

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/3/2022		•	
Tuần 28/2-4/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường trải qua một phiên tăng điểm mạnh mẽ trong ngày hôm nay, với sự đóng góp to lớn đến từ cổ phiếu ngành Thép, Hóa chất, Phân bón,... được hưởng lợi từ giá hàng hóa thế giới. Bên cạnh đó, nhóm Ngân hàng và Logistic cũng có một phiên giao dịch tích cực, góp phần vào đà tăng của chỉ số VN-Index. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, thị trường đang giao dịch trong biên độ khá rộng, nhà đầu tư nên cẩn trọng trong những phiên tới. Trong ngắn hạn, chỉ số có khả năng tích lũy quanh ngưỡng 1500.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/03/2022, phần lớn các chứng quyền đều tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+19.48** điểm, đóng cửa **1505.00** điểm. HNX-Index **+7.06** điểm, đóng cửa **449.31** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+3.80)**, **VPB (+1.08)**, **GVR (+0.91)**, **NVL (+0.7859)**, **CTG (+0.73)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.30)**, **VJC (-0.21)**, **LGC (-0.15)**, **POW (-0.14)**, **VRE (-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26.429** tỷ đồng, giảm **-9.89%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 30.327 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 17.31 điểm. Thị trường có **337** mã tăng, 54 mã tham chiếu và **115** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **539.55** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (87.208 tỷ)**, **DCM (66.995 tỷ)**, **STB (63.158 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **26.01** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1505.00**
Giá trị: 29136.16 tỷ **19.48 (1.31%)**
Khối ngoại (ròng): 549.69 tỷ

HNX-INDEX **449.31**
Giá trị: 3515.24 tỷ **7.06 (1.6%)**
Khối ngoại (ròng): 26.01 tỷ

UPCOM-INDEX **113.19**
Giá trị: 2191.42 tỷ **1.39 (1.24%)**
Khối ngoại(ròng): 14.05 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	113.8	2.88%
Giá vàng	1,927	-0.08%
Tỷ giá USD/VND	22,845	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,300	-0.43%
Tỷ giá JPY/VND	19,754	0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	16.58%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	86.9	YEG	-41.8
DCM	66.9	VIC	-39.1
HPG	63.7	PVT	-33.3
STB	63.1	VNM	-21.5
KBC	54.9	POW	-19.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Phân tích kỹ thuật

VSC_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VSC nằm trong xu hướng hồi phục từ ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 40.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và RSI đều đang cho thấy xu hướng hồi phục tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt ngưỡng MA20 và MA50 trong phiên giao dịch hôm nay, cho thấy đà tăng trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 44.4, chốt lãi tại ngưỡng 50.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 42.5.

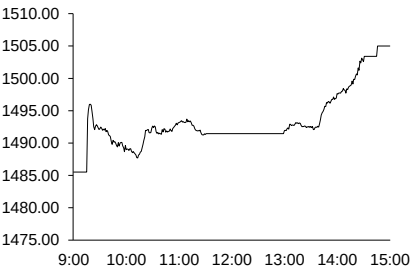
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	5.95%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.14%
Hóa chất	2.73%
Dịch vụ tài chính	1.60%
Dầu khí	1.46%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.42%
Xây dựng và Vật liệu	1.24%
Ngân hàng	1.23%
Bán lẻ	1.00%
Bất động sản	0.86%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.70%
Thực phẩm và đồ uống	0.63%
Ô tô và phụ tùng	0.57%
Công nghệ Thông tin	0.43%
Y tế	0.36%
Bảo hiểm	0.33%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	-0.70%
Truyền thông	-4.29%

Hình 1

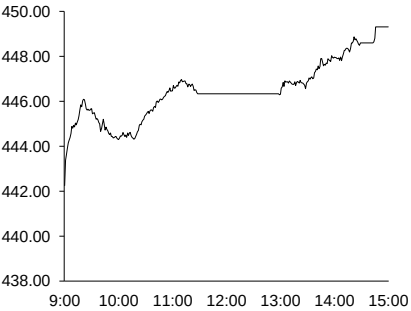
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

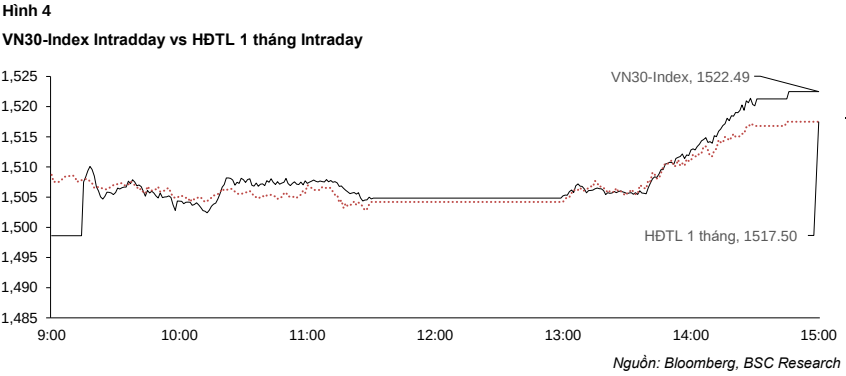
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	36.3	2	1.68%	Có thể tiếp tục mua
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	42.1	3	9.78%	Có thể tiếp tục mua
25/2/22	VGTT	27	33	24	27.1	6	0.37%	Có thể tiếp tục mua
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	25.5	7	8.51%	Có thể tiếp tục mua
23/2/22	PVT	24.8	29	23	27.8	8	12.10%	Có thể tiếp tục mua
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	19.5	13	-1.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.5	16	-2.60%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	47.5	21	-0.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	50.1	23	9.99%	Có thể tiếp tục mua
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	81.5	43	3.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
7/2/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
28/1/22	MBS	32.5	37.9	31.9	TP	31	16.62%
27/1/22	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
25/1/22	GAS	109.5	121	106	TP	37	10.50%
21/1/22	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
20/1/22	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	3	4.61%	-1.51%	4.09%	16
Cổ phiếu đã chốt	237	179	7.79%	-7.30%	5.12%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1517.50	1.03%	-4.99	-22.0%	135,199	3/17/2022	14
VN30F2204	1514.70	0.87%	-7.79	-42.3%	258	4/21/2022	49
VN30F2206	1508.00	0.83%	-14.49	-49.1%	56	6/16/2022	105
VN30F2209	1510.00	0.90%	-12.49	-61.3%	41	9/15/2022	196

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 23.88 điểm lên 1522.49 điểm. Các cổ phiếu ngân hàng như HPG, VPB, HDB, ACB, MBB đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 bật tăng trở lại khi chạm vùng hỗ trợ 1500 điểm, hiện tượng này tiếp tục củng hộ xu hướng vận động trong vùng 1500-1550 điểm.
- Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, trừ VN30F2209 giảm nhẹ. Điểm số tăng và lượng hợp đồng mở tăng mạnh cho thấy xu hướng tích lũy theo chiều long. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HD ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2203	9/20/2022	201	4:1	1,917,300	32.88%	2,200	2,260	24.86%	1,201	1.88	54,260	51,500	50,100
CHPG2117	7/1/2022	120	5:1	2,479,000	32.88%	2,320	700	16.67%	216	3.25	69,000	60,000	50,100
CHPG2119	5/24/2022	82	2:1	246,500	32.88%	3,380	1,980	16.47%	1,054	1.88	55,440	53,000	50,100
CMSN2108	4/27/2022	55	19.97:1	54,800	36.66%	1,600	810	15.71%	463	1.75	180,955	159,999	159,100
CTPB2201	9/20/2022	201	4:1	821,200	40.95%	1,800	1,990	10.56%	1,322	1.51	44,080	42,000	41,500
CSTB2112	5/24/2022	82	1:1	11,400	37.67%	3,800	4,100	7.33%	2,832	1.45	37,820	31,000	31,850
CMBB2107	4/8/2022	36	2:1	1,130,100	30.35%	2,200	2,190	6.83%	1,727	1.27	55,040	30,000	33,100
CMSN2104	5/4/2022	62	9.987:1	97,600	36.66%	5,200	4,250	6.25%	4,241	1.00	118,110	0	159,100
CACB2102	7/1/2022	120	2:1	522,000	28.40%	2,900	1,640	3.80%	868	1.89	38,360	35,000	33,450
CMWG2104	3/22/2022	19	6.644:1	12,700	30.84%	2,400	7,050	2.92%	7,074	1.00	91,479	135,000	136,500
CKDH2201	10/5/2022	216	8:1	41,100	34.59%	1,500	1,250	2.46%	471	2.65	85,818	61,618	54,600
CKDH2107	4/27/2022	55	8:1	274,000	34.59%	1,300	1,530	2.00%	1,394	1.10	52,588	43,888	54,600
CNVL2201	10/5/2022	216	20:1	510,200	25.19%	1,100	600	1.69%	95	6.30	117,086	93,979	78,000
CFPT2201	9/20/2022	201	8:1	451,800	22.31%	2,100	1,480	0.68%	334	4.42	111,950	106,000	93,400
CVRE2201	9/20/2022	201	4:1	457,200	37.26%	1,200	1,310	-0.76%	847	1.55	34,600	34,000	32,700
CMWG2114	4/20/2022	48	12:1	7,000	30.84%	2,600	1,290	-0.77%	857	1.51	139,980	130,000	136,500
CVNM2201	9/21/2022	202	16:1	608,400	16.77%	1,200	760	-1.30%	66	11.60	102,488	89,988	78,400
CVRE2110	4/27/2022	55	8:1	136,400	37.26%	1,000	670	-1.47%	453	1.48	48,719	29,999	32,700
CVHM2114	5/4/2022	62	16:1	99,400	28.79%	1,100	360	-7.69%	39	9.15	94,549	89,999	78,000
CTCB2108	3/14/2022	11	1:1	66,300	30.34%	5,000	70	-30.00%	1	87.12	63,258	58,000	49,650
Tổng				8,027,100	31.94%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 03/03/2022, phần lớn các chứng quyền đều tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2116 và CVRE2110 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 500.00% và 77.78%. Giá trị giao dịch giảm -12.65%. CKDH2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.39% thị trường.
- CTCB2201, CVHM2115, CTCB2112 và CPNJ2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2110, CMSN2108, CPNJ2109, và CNVL2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, CTPB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	136.5	1.5%	0.8	4,231	6.2	6,936	19.7	4.8	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	104.0	0.6%	1.0	1,028	3.8	4,543	22.9	3.9	48.2%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	59.0	0.0%	1.4	1,904	2.4	2,501	23.6	2.1	26.5%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	51.0	0.4%	0.5	519	0.4	3,543	14.4	1.6	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	79.0	0.1%	0.7	13,100	9.0	(759)	N/A	N/A	3.0	12.9%
VRE	Bất động sản	32.7	-0.3%	1.1	3,231	9.7	578	56.5	2.4	30.0%	4.4%
VHM	Bất động sản	78.0	0.6%	1.1	14,767	13.3	9,048	8.6	2.6	23.9%	36.4%
DXG	Bất động sản	43.9	0.9%	1.3	1,138	22.8	1,941		3.0	31.0%	15.5%
SSI	Chứng khoán	45.5	1.6%	1.5	1,964	16.5	2,768	16.4	3.2	38.8%	22.5%
VCI	Chứng khoán	62.9	0.2%	1.0	911	5.3	4,512	13.9	3.2	20.6%	27.1%
HCM	Chứng khoán	37.6	1.2%	1.5	746	6.2	2,805	13.4	2.3	43.8%	19.5%
FPT	Công nghệ	93.4	0.3%	0.9	3,685	3.9	4,354	21.5	4.7	49.0%	25.7%
FOX	Công nghệ	71.1	-0.4%	0.4	1,015	0.1	4,304	16.5	4.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	120.7	1.3%	1.3	10,044	7.2	4,381	27.6	4.5	2.9%	17.4%
PLX	Dầu khí	62.8	2.1%	1.5	3,469	8.3	2,337	26.9	3.2	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	37.3	0.0%	1.6	775	20.5	1,260	29.6	1.5	9.1%	5.0%
BSR	Dầu khí	28.4	-0.7%	0.8	3,828	18.8	(909)		2.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	117.9	-0.1%	0.4	670	0.5	5,720	20.6	4.1	54.3%	20.3%
DPM	Hóa chất	59.6	-0.3%	0.8	1,014	21.9	7,914	7.5	2.2	9.0%	33.5%
DCM	Hóa chất	39.8	2.1%	0.7	916	16.8	3,313	12.0	2.8	5.9%	25.3%
VCB	Ngân hàng	85.5	0.6%	1.1	17,593	3.9	5,005	17.1	3.6	23.6%	21.4%
BID	Ngân hàng	42.8	0.8%	1.3	9,413	4.6	2,090	20.5	2.6	16.9%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.6	1.9%	1.4	6,812	9.2	2,940	11.1	1.7	25.9%	15.9%
VPB	Ngân hàng	37.5	2.6%	1.2	7,238	32.4	2,667	14.0	2.1	15.2%	18.0%
MBB	Ngân hàng	33.1	1.8%	1.2	5,437	42.2	3,362	9.8	2.1	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	33.5	1.7%	1.0	3,930	11.7	3,554	9.4	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	62.2	2.3%	0.7	221	0.3	2,618	23.8	2.2	85.5%	9.0%
NTP	Nhựa	63.3	1.3%	0.4	324	0.3	3,951	16.0	2.8	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	29.1	3.2%	0.8	1,391	1.9	39	746.2	2.3	10.1%	0.3%
HPG	Thép	50.1	6.8%	1.1	9,743	161.9	7,708	6.5	2.5	23.1%	46.1%
HSG	Thép	42.1	6.2%	1.4	903	38.1	8,581	4.9	1.8	7.1%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	78.4	-0.1%	0.6	7,124	5.1	4,518	17.4	5.0	54.4%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	167.1	-1.1%	0.8	4,659	0.2	5,663	29.5	5.0	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	159.1	1.3%	0.8	8,166	5.2	7,257	21.9	5.7	28.7%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	24.6	7.0%	1.3	673	12.3	1,097	22.4	1.9	7.2%	7.8%
ACV	Vận tải	93.3	-1.1%	0.8	8,831	0.2	577	161.7	5.4	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	143.4	-1.1%	1.1	3,377	4.0	2,271		4.6	16.7%	7.7%
HVN	Vận tải	25.0	0.0%	1.7	2,407	3.4	(6,523)		23.1	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	54.4	6.9%	1.0	713	15.4	1,846	29.5	2.6	44.1%	9.1%
PVT	Vận tải	27.8	6.9%	1.4	391	20.0	2,066	13.5	1.7	11.8%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	106.2	0.6%	0.8	739	0.2	10,538	10.1	3.5	3.7%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.3	2.1%	0.5	1,039	1.9	2,738	19.5	3.4	4.0%	18.2%
HT1	Vật liệu xây dựng	22.9	3.2%	0.9	380	2.1	969	23.6	1.7	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	90.1	-2.6%	1.1	289	4.1	310	290.2	0.8	46.5%	0.3%
CII	Xây dựng	32.7	-0.8%	0.7	344	12.1	(1,434)	N/A	N/A	1.6	10.9%
REE	Điện	75.7	2.3%	-1.4	1,017	2.7	6,001	12.6	1.8	49.0%	15.0%
PC1	Điện	37.9	0.0%	-0.4	388	2.1	2,997	12.6	1.9	5.1%	15.9%
POW	Điện	17.2	-1.4%	0.6	1,751	14.1	759	22.7	1.4	2.5%	6.1%
NT2	Điện	22.9	-0.2%	0.6	287	0.5	1,778	12.9	1.6	14.0%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	56.1	0.0%	1.2	1,390	28.8	1,593	35.2	2.3	18.5%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	80.0	2%	1.1	3,600	1.0			5.3	2.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	50.10	6.82	3.66	76.24MLN
VPB	37.45	2.60	1.08	20.15MLN
GVR	36.30	2.54	0.92	2.75MLN
NVL	78.00	2.09	0.79	2.97MLN
CTG	32.60	1.88	0.74	6.54MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.31	23700	1.11MLN
VJC	0.00	-0.22	641900	607060
LGC	-0.01	-0.17	800	373600
POW	0.00	-0.15	18.77MLN	192700
VRE	0.00	-0.06	6.80MLN	611640

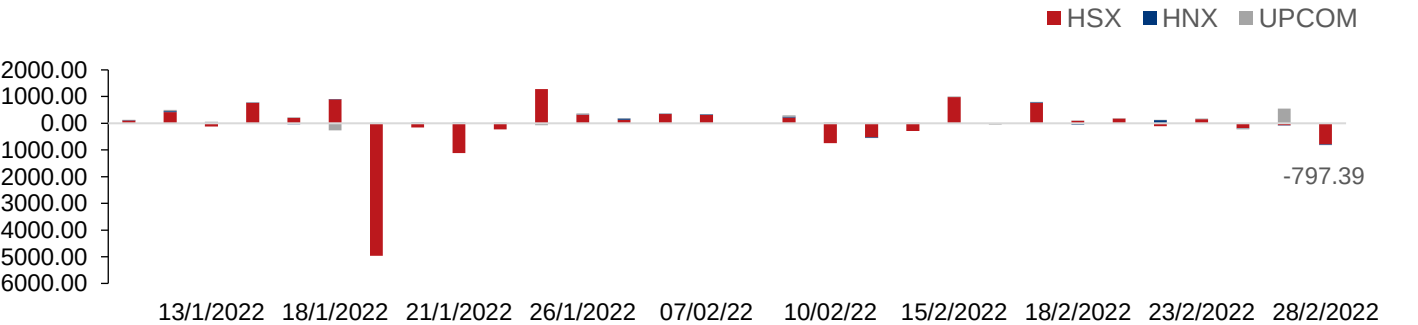
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GSP	16.05	7.00	0.02	1.34MLN
PXI	7.80	7.00	0.00	938000
TCO	20.65	6.99	0.01	727400
DGC	177.60	6.99	0.51	5.51MLN
VSC	44.40	6.99	0.08	969200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	13.85	-6.73	-0.01	2700
LGC	46.45	-6.73	-0.17	800
ACC	23.00	-6.12	-0.01	324500.00
VRC	33.00	-5.71	-0.03	193300
CVT	42.35	-4.83	-0.02	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	39.3	1,006	39.1	2.1	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	40.0	1,968	20.3	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	28.4	-909	#N/A N/A	2.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	70.1	362	193.7	6.0	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	90.1	310	290.2	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	79.5	7,200	11.0	2.0	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	39.8	3,313	12.0	2.8	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	177.6	13,122	13.5	5.0	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	64.8	5,715	11.3	3.0	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.2	2,450	13.1	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	43.9	1,941	22.6	3.0	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	23.4	949	24.7	1.4	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.3	1,454	11.9	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.4	4,354	21.5	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	120.7	4,381	27.6	4.5	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	120.7	4,381	27.6	4.5	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	35.7	3,134	11.4	2.5	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	50.1	7,708	6.5	2.5	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	42.1	8,581	4.9	1.8	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	30.5	157	194.6	2.8	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.9	1,520	11.7	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.9	1,520	11.7	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	15.0	689	21.7	1.1	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	54.6	1,833	29.8	3.4	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.9	5,898	8.8	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	81.0	8,820	9.2	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	136.5	6,936	19.7	4.8	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	49.8	10,793	4.6	1.9	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	56.8	3,055	18.6	2.4	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.9	1,778	12.9	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	37.9	2,997	12.6	1.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.0	4,543	22.9	3.9	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.0	4,543	22.9	3.9	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	17.2	759	22.7	1.4	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	51.0	3,543	14.4	1.6	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	37.3	1,260	29.6	1.5	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	39.0	1,064	36.7	4.0	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	42.8	14,369	3.0	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	82.1	3,013	27.2	5.6	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.3	2,375	10.7	3.6	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	27.1	570	47.5	2.2	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	80.9	6,052	13.4	2.5	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	78.4	4,518	17.4	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.7	578	56.5	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.4	3499.1	12.7	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,646	17.4	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
3	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
6	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
8	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
12	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
13	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
15	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
18	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
21	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
28	Banking Sector Outlook		x	Click
29	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
31	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
32	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
33	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
34	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
36	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
37	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
38	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
39	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
41	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
42	Fishery Outlook 2021		x	Click
43	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
44	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639